

NGHỊ ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Về việc bổ sung, sửa đổi một số điểm trong các quy định

ban hành kèm theo Nghị định 221/HĐBT ngày 23-7-1991 của Hội đồng Bộ trưởng

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Luật doanh nghiệp tư nhân, Luật công ty ngày 21 tháng 12 năm 1990;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi, bổ sung một số điểm trong quy định cụ thể hoá Luật doanh nghiệp tư nhân, ban hành kèm theo Nghị định 221-HĐBT ngày 23 tháng 7 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng:

1. Thay Điều 3 cũ bằng Điều 3 mới như sau:

3a. Cá nhân muốn thành lập doanh nghiệp tư nhân trong một số ngành, nghề do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cho phép theo Điều 5 Luật doanh nghiệp tư nhân, phải gửi hồ sơ xin phép thành lập doanh nghiệp đến Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) nơi dự định đặt trụ sở doanh nghiệp. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến và gửi hồ sơ lên Bộ quản lý ngành. Trường hợp đương sự xin phép thành lập doanh nghiệp kinh doanh nhiều ngành, nghề khác nhau thì căn cứ vào ngành kinh doanh nào là chính, có vốn pháp định cao nhất, hồ sơ được gửi lên Bộ quản lý ngành đó. Bộ trưởng Bộ quản lý ngành xem xét, có ý kiến, trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định và thông báo cho Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh; căn cứ vào

quyết định đó, Ủy ban Nhân dân tỉnh cấp hoặc không cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp cho đương sự.

3b. Những trường hợp sau đây, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng uỷ quyền cho Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp hoặc không cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp tư nhân sau khi có ý kiến của Bộ quản lý ngành:

- Một số lĩnh vực thuộc ngành khai khoáng (quy định tại khoản 3, Điều 14 Nghị định số 95-HĐBT ngày 25 tháng 3 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thi hành Pháp lệnh về tài nguyên khoáng sản);
- Sản xuất phân hoá học và sản xuất các loại pháo;
- Sản xuất và cung ứng điện (không thuộc mạng lưới điện quốc gia) với vốn pháp định dưới mức vốn pháp định quy định tại bản danh mục kèm theo Nghị định số 221-HĐBT ngày 23 tháng 7 năm 1991;
- Dịch vụ cho truyền thanh, truyền hình trong phạm vi địa phương;

Sau khi cấp giấy phép thành lập các doanh nghiệp tư nhân trong các trường hợp nói trên, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và Bộ quản lý ngành.

2. Thay Điều 4 cũ bằng Điều 4 mới như sau:

4a. Việc cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp tư nhân trong những ngành, nghề không thuộc phạm vi quy định tại Điều 3 mới và Điều 5 Luật doanh nghiệp tư nhân, thuộc thẩm quyền của Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

Khi xét cấp giấy phép, Ủy ban Nhân dân tỉnh phải tuân thủ quy định của Hội đồng Bộ trưởng và của Bộ về các điều kiện thành lập doanh nghiệp tư nhân trong từng ngành, nghề (theo khoản 1 Điều 8 của quy định ban hành kèm theo Nghị định 221-HĐBT). Trường hợp cần giải quyết khác với quy định của Bộ quản lý ngành, thì Ủy ban Nhân dân tỉnh phải trao đổi ý kiến và có sự thống nhất bằng văn bản của Bộ quản lý ngành mới được cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp tư nhân. Nếu không thống nhất ý kiến thì Ủy ban Nhân dân tỉnh báo cáo Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xem xét, quyết định.

4b. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh uỷ quyền cho sở quản lý ngành tiếp nhận hồ sơ xin phép thành lập doanh nghiệp tư nhân, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xét. Trường hợp đương sự